

Số: 23 - 2571 /PBHC-TH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2023

V/v công bố thông tin điều chỉnh kế hoạch kinh  
doanh năm 2023 và thông qua kế hoạch kinh  
doanh năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
  - Mã chứng khoán: DPM
  - Trụ sở chính: 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: 028 - 3825 6258; Fax: 028- 3825 6269
  - Email:

2. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết số 23- 565/NQ-PBHC ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (Tổng công ty) về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 và Nghị quyết số 23- 570/NQ-PBHC ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt, giao kế hoạch SXKD năm 2024, Tổng công ty công bố thông tin về các nghị quyết như nội dung đính kèm.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty từ ngày 28/12/2023 tại đường dẫn <https://dpm.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Ban: TCKT, TT&TT;
- Lưu: VT, TH (TTV).

**Tài liệu đính kèm:**

- Phụ lục về các NQ của HĐQT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Trương Thế Vinh**



**Phụ lục 1:**  
**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

(Nghị quyết số 23- 565 /NQ-PBHC ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị)

**1. Chỉ tiêu sản lượng**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>			
1	NPK Phú Mỹ	Tấn	120.500	
2	Phân bón khác NM sản xuất (Đạm Kebo)	Tấn	6.900	
3	UFC 85	Tấn	11.990	
4	NH3 sản xuất bán TM	Tấn	54.500	
<b>II</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>			
1	Urê Phú Mỹ	Tấn	830.000	
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	130.000	
3	Phân bón khác NM sản xuất (Đạm Kebo)	Tấn	7.000	
4	Phân bón khác	Tấn	240.000	
5	NH3	Tấn	62.000	
6	CO2	Tấn	39.500	



**2. Kế hoạch tài chính hợp nhất**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	13.067	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	610	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	463	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	240	

**3. Kế hoạch Công ty mẹ**

**3.1. Kế hoạch tài chính**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.652	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	635	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	495	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	205	
5	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	112,44	
5.1	Trích quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	Tỷ đồng	-	
5.2	Trích quỹ KTPL	Tỷ đồng	112,44	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
	- Trích quỹ KTPL người lao động (tương đương 3 tháng lương) (*)	Tỷ đồng	110,1	
	- Trích quỹ thưởng người quản lý	Tỷ đồng	2,34	

### 3.2. Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023 điều chỉnh	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>		220,58	
	<i>Trong đó:</i> - Đầu tư XD CB và mua sắm TTB	Tỷ đồng	220,58	
	- Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	-	
<b>2</b>	<b>Giá trị giải ngân</b>	Tỷ đồng	220,58	
	<i>Trong đó:</i> - vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	220,58	
	- vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	

#### Ghi chú:

- (\*): Quyết toán quỹ KTPL thực hiện theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016.

22





Phụ lục 2:

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

(Nghị quyết số 23- 570 /NQ-PBHC ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị)

**1. Chỉ tiêu sản lượng**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>		
1.1	Urea Phú Mỹ	Nghìn tấn	850,0
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	143,1
1.3	Phân bón khác Nhà máy sản xuất	Nghìn tấn	4,0
1.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,5
1.5	NH3 sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	65,5
<b>2</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>		
2.1	Urea Phú Mỹ	Nghìn tấn	870,0
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	143,1
2.3	Phân bón khác Nhà máy sản xuất	Nghìn tấn	5,0
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5
2.5	NH3	Nghìn tấn	65,0
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	260,0
2.7	CO2	Nghìn tấn	45,0
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,787

**2. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.755
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	660
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	542
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	263

**3. Kế hoạch Công ty mẹ**

**3.1. Kế hoạch Tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.316
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.534
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	611
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	509
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân	%	4,9
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (*)	%	15
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,22
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	240

7/2

### 3.2. Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn đầu tư</b>	Tỷ đồng	<b>666,15</b>
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	223,13
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	443,02
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	Tỷ đồng	<b>666,15</b>
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	666,15
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-
<b>III</b>	<b>Giá trị giải ngân trong năm</b>	Tỷ đồng	<b>666,15</b>
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	666,15
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-

72

